

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HC-PT

Ngày 20/01/2022

V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành
chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 và 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 212/2021/TLPT-HC ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 2051/2020/HC-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2220/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Dương Văn H, sinh năm 1956 (Có mặt)

Cư trú: 81 đường L, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: Số 7 đường T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Minh Tuấn Anh – Chủ tịch

Người đại diện ủy quyền ngày 04/9/2020: Ông Lê Văn Thành – Phó Chủ tịch (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Hòa Tuấn – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 7 (Có mặt).

Ông Hồ Thái Thành – Phó Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng Quận 7 (Có mặt).

Ông Trần Thanh Tịnh – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 7 (Có mặt).

Ông Nguyễn Hoàng Dũng – Chuyên viên Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng Quận 7 (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1959 (Có mặt)

Cư trú: 81 đường L, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kháng cáo: Ông Dương Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện gửi ngày 06; 23/3 và 17/9/2018, Bản tự khai ngày 29/5/2018 và 10/4/2019, người khởi kiện trình bày:

Năm 1991, ông Dương Văn H và vợ là bà Đỗ Thị N nhận chuyển nhượng phần diện tích nhà đất 52,1m² tọa lạc tại nhà không số, tổ 2, khu phố 1, Trần Xuân Soạn, phường T, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt nhà không số), trong đó: diện tích để ở là 12m² và diện tích kinh doanh là 16m². Năm 1992, nộp thuê đất 28m². Năm 1999, kê khai diện tích nhà đất là 48m². Phần diện tích nêu trên phải di dời để thực hiện Dự án nhà ở ven Kênh tẻ, quận 7 (viết tắt Dự án nhà ở ven Kênh tẻ) theo Bản đồ hiện trạng vị trí số_06506/ĐĐBĐ-VPQ7 ngày 21/7/2011 (viết tắt Bản đồ ngày 21/7/2011) của Trung tâm Đo đạc Bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt Trung tâm ĐĐBĐ-Sở TN&MT Thành phố), Biên bản kiểm kê thiệt hại tài sản số 119/BBKK ngày 21/5/2012 (viết tắt Biên bản KK ngày 21/5/2012) của Ban Bồi thường – Giải phóng mặt bằng (viết tắt Ban BT-GPMB) quận 7 và Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/11/2012 (viết tắt Quyết định số 279/2012/QĐ-UBND) của Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) quận 7 nên được hỗ trợ thiệt hại với tổng số tiền 469.327.600 đồng NH không đủ điều kiện tái định cư theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 (viết tắt Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND). Khiếu nại Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, ngày 05/3/2018, ông H nhận được Văn bản số 509/UBND-BTGPMB ngày 26/9/2017 (viết tắt Văn bản số 509/2017/UBND-BTGPMB) của Chủ tịch UBND quận 7 về việc không chấp nhận đơn kiến nghị về yêu cầu kiểm tra hiện trạng và tính bồi thường nhà đất bằng 100% đơn giá theo thời điểm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cũng như hỗ trợ 30% đơn giá đất ở đối với diện tích 28,3m² kể cả lãi suất chậm chi trả. Không đồng ý, ông Dương Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Quyết định số 279/2012/QĐ-UBND, Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND và Văn bản số 509/2017/UBND-BTGPMB. Đồng thời, buộc UBND quận 7 bồi thường đất ở 28m² x 34.127.000 đồng/m² x 100% + hỗ trợ diện tích còn lại 24,6m² x 34.127.000 đồng/m² x 30% + gác suốt 52,6m² x 1.000.000 đồng/m² + hỗ trợ 7 nhân khẩu x 1.000.000 đồng/người = 1.207.413.313 đồng.

Bản tự khai ngày 03/8/2018; ngày 30/9 và 13/11/2020, đại diện người bị kiện trình bày:

Phần diện tích nhà đất của hộ ông Dương Văn H bị ảnh hưởng bởi Dự án nêu trên thuộc thửa 30R-1 (45,3m²) và rạch (6,8m²), tờ bản đồ số 5 – Bộ Địa chính phường T, quận 7 theo Tài liệu năm 2003 tương ứng thửa 38-1 (23,8m²) và rạch (28,3m²), tờ bản đồ thứ 2 – Bộ Địa chính xã Tân Quy Tây, huyện Nhà Bè nay thuộc phường T, quận 7 theo Tài liệu 02/CT-UB và đã nhận Quyết định số 279/2012/QĐ-UBND vào ngày 28/11/2012. Đồng thời, được hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc sau khi nhận Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND vào ngày 17/02/2014 và nhận đủ số tiền 469.327.600 đồng ngày 27/02/2014. Ngày 12/02/2015, UBND quận 7 ban hành Văn bản số 46/UBND-BTGPMB về chấp thuận đơn cứu xét ngày 24/11/2014 của ông Dương Văn H đề nghị mua căn hộ chung cư theo Văn bản số 528/UBND-ĐTMT ngày 30/01/2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và đã bàn giao một căn hộ chung cư Đức Khải (số 08-12) cho ông Dương Văn H vào ngày 06/11/2015.

Chủ tịch UBND quận 7 phúc đáp là không chấp nhận đơn kiến nghị ngày 09/8/2015 của ông Dương Văn H về xem xét lại chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với phần nhà đất bị thu hồi theo Văn bản số 258/UBND-BTGPMB ngày 29/9/2015, kể cả đơn yêu cầu ngày 13/10/2016 về kiểm tra lại 23,8m² sử dụng từ trước năm 1991 và hỗ trợ lãi suất tại thời điểm phê duyệt Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 29/5/2013 nêu tại Văn bản số 573/UBND-BTGPMB ngày 26/12/2016 cũng như sẽ kiểm tra, làm rõ diện tích đất có nhà trên đất, diện tích có nhà trên rạch và phần diện tích đất có nhà trên đất đã được khơi thông cống.

Ngày 03/12/2015, các bên thực hiện bàn giao mặt bằng bị thu hồi 52,1m². Ngày 03/7/2017, Chủ tịch UBND quận 7 trả lời đơn kiến nghị qua tiếp xúc trực tiếp với ông Dương Văn H tại Văn bản số 274/UBND-BTGPMB về việc xác định phần đất bị thu hồi là nhà được xây dựng trên mặt nước Kênh tẻ nên không thể xem việc kê khai đất 28m² vào năm 1993 thuộc khoản 1, khoản 2 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và yêu cầu bồi thường 100% đơn giá đất ở 23,8m² là không có cơ sở, kể cả không chấp nhận yêu cầu hỗ trợ 30% đơn giá đất ở 28,3m² và tính lãi suất do chi trả chậm theo Văn bản số 509/2017/UBND-BTGPMB. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H. Đề nghị đình chỉ yêu cầu này do đã hết thời hiệu khởi kiện. Đồng thời, xin vắng mặt các buổi triệu tập, đối thoại, xét xử.

Bản tự khai ngày 10/02/2018, bà Đỗ Thị N trình bày: Bà N thống nhất yêu cầu khởi kiện của chồng là ông Dương Văn H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 2051/2020/HC-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 211 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 43 Luật Đất đai năm 2003; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H như sau: Hủy Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của Ủy ban nhân dân quận 7 về phần bồi thường 28m² đất theo đơn giá 34.127.000 đồng/m² đối với ông Dương Văn H có nhà đất bị ảnh hưởng trong Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng nhà ở ven Kênh tẻ.

Hủy Văn bản số 509/UBND-BTGPMB ngày 26/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7 về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Dương Văn H có nhà đất bị giải tỏa dự án nhà ở ven kênh tẻ.

2. Đình chỉ việc rút yêu cầu giải quyết của ông Dương Văn H đối với Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/11/2012 của Ủy ban nhân dân quận 7 về di dời đối với toàn bộ phần vật kiến trúc xây dựng trên mặt nước kênh tẻ của hộ ông Dương Văn H phục vụ cho việc thực hiện Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng nhà ở ven kênh tẻ, quận 7.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2020 ông Dương Văn H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện, hủy các văn bản, quyết định của Ủy ban nhân dân quận 7 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7 về phần không bồi thường 28m² đất ở 100% cho gia đình ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H giữ nguyên kháng cáo và tham gia tranh tụng cho rằng nhà đất có nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng của ông Trung năm 1991, ông đóng thuế nhà đất đầy đủ từ năm 1992 cho đến nay. Trường hợp của gia đình ông H giống như các hộ gia đình khác, nH họ lại được bồi thường đất ở 100%, còn ông H không được bồi thường đất ở nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm hủy các văn bản, quyết định của Ủy ban nhân dân quận 7 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7 để bồi thường cho ông H theo đúng quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cho rằng của Ủy ban nhân dân quận 7 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7 đã giải quyết và trả lời khiếu nại của ông H là có căn cứ, đúng pháp luật. Theo tài liệu năm 2003 và tài liệu 02/CT-UB thì vị trí nhà của ông H có số thửa 30R-1 và 38-1 nH tại thời điểm thu hồi đất, thực tế không còn đất, ông H xây nhà trên kênh nên không bồi thường mà chỉ hỗ trợ đất và tài sản trên đất theo đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng, người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng thủ tục tố tụng. Về nội dung kháng cáo của ông H, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật; dù tại phiên tòa phúc thẩm ông H cung cấp một số tài liệu mới nhưng không làm thay đổi nội dung vụ án, đề nghị bác đơn kháng cáo của ông H, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của ông Dương Văn H đúng theo quy định của pháp luật, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Căn cứ đơn khởi kiện của ông H, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư” là đúng quan hệ tranh chấp; đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của UBND Quận 7, Văn bản số 509/UBND-BTGPMB ngày 26/9/2017 của Chủ tịch UBND Quận 7 trả lời đơn kiến nghị của ông H không đủ điều kiện bồi thường 100% diện tích $23,8\text{m}^2/52,1\text{m}^2$ nhà đất bị thu hồi là quyết định hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, được quy định tại khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của UBND Quận 7, về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông H thì thấy:

[2.1]. Theo Bản đồ hiện trạng vị trí nhà đất ông H của Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 21/7/2011, do người bị kiện cung cấp thì phần diện tích nhà đất của ông H bị ảnh hưởng bởi Dự án nêu trên thuộc thửa 30R-1 ($45,3\text{m}^2$) và rạch ($6,8\text{m}^2$), tờ bản đồ số 5 – Bộ Địa chính phường T, Quận 7 theo Tài liệu năm 2003; tương ứng thửa 38-1 ($23,8\text{m}^2$) và rạch ($28,3\text{m}^2$), tờ bản đồ thứ 2 – Bộ Địa chính xã Tân Quy Tây, huyện Nhà Bè nay thuộc phường T, Quận 7 theo Tài liệu 02/CT-UB. Như vậy, theo tài liệu trên thì diện tích đất ông H sử dụng thuộc thửa 30R-1, tương ứng thửa 38-1 (có diện tích $45,3\text{m}^2 - 23,8\text{m}^2$).

[2.2]. Theo tài liệu ông H cung cấp: Năm 1991, ông H nhận chuyển nhượng $52,1\text{m}^2$ nhà đất, tại tổ 2, khu phố 1, Trần Xuân Soạn, phường T, Quận 7 của ông Nguyễn Hữu Trung, trong đó 12m^2 để ở và 16m^2 để kinh doanh; năm 1992 ông H nộp thuế đất 28m^2 ; năm 1999 ông H kê khai diện tích nhà đất 48m^2 (BL: 37 đến 40).

[2.3]. Từ những căn cứ trên cho thấy ông H đã sử dụng diện tích đất 28m^2 làm nhà ở và kinh doanh từ năm 1991, đóng thuế sử dụng 28m^2 đất ở từ năm 1992. Hơn nữa, diện tích đất của ông H bị thu hồi tiếp giáp với đường Trần Xuân Soạn; phù hợp với Bản đồ hiện trạng vị trí nhà đất ông H do Trung tâm đo đạc bản đồ Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 21/7/2011. Do đó, diện tích đất của ông H sử dụng và bị thu hồi tại thửa 30R-1 theo tài liệu năm 2003, thuộc thửa 38-1 theo Tài liệu 02/CT-UB.

[2.4]. Tại Bảng chiết tính bồi thường GPMB ngày 13/11/2013, diện tích nhà đất thu hồi của ông H là $52,1\text{m}^2$; trong đó, xác định toàn bộ diện tích trên là kênh rạch, có cả diện tích 28m^2 đất là không đúng với tài liệu, chứng cứ UBND Quận 7 và ông H cung cấp. Hơn nữa, Bảng chiết tính bồi thường GPMB ngày 13/11/2013 đã xác định nhà đất diện tích 28m^2 ông H sử dụng và xây nhà trước ngày 15/10/1993 và ở ổn định từ đó đến nay. Đối chiếu với trường hợp ông Nguyễn Hữu Trung là người sang nhượng một phần nhà đất cho ông H vào năm 1991, cũng tương tự như trường hợp của ông H về tài liệu, chứng cứ NH được

UBND Quận 7 bồi thường diện tích 11,7m² nhà đất ở bằng 100% giá trị. Do đó, ông H yêu cầu bồi thường diện tích 28m² nhà đất ở bằng 100% giá trị là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

[3]. Từ những nhận định nêu trên, Văn bản số 509/UBND-BTGPMB ngày 26/9/2017 của Chủ tịch UBND Quận 7 phúc đáp đơn kiến nghị của ông H với nội dung ông H không đủ điều kiện bồi thường nhà đất, là chưa đúng quy định của pháp luật.

[4]. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận, lời bảo vệ của người bị kiện không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; chấp nhận đơn kháng cáo của ông H, sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy một phần Quyết định số Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của UBND Quận 7 và Văn bản số 509/UBND-BTGPMB ngày 26/9/2017 của Chủ tịch UBND Quận 7 về việc giải quyết bồi thường nhà đất ở đối với ông H. Do đó, UBND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành quyết định về bồi thường nhà đất ở cho ông H đúng theo quy định của pháp luật.

Về án phí hành chính sơ thẩm, UBND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 đồng và Chủ tịch UBND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 đồng.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông H không phải chịu.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Dương Văn H; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 2051/2020/HC-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H về việc:

Hủy một phần Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, về phần “Hỗ trợ 28m² nhà đất đối với ông Dương Văn H, bị ảnh hưởng trong Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng nhà ở ven Kênh tẻ”.

Hủy một phần Văn bản số 509/UBND-BTGPMB ngày 26/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời đơn

kiến nghị của ông Dương Văn H có nhà đất bị giải tỏa Dự án nhà ở ven Kênh tẻ, về phần “Diện tích 28m² sử dụng trước ngày 15/10/1993 thì được hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở”.

Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ đúng theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H về việc hủy Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19/11/2012 của Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, về di dời đối với toàn bộ phần vật kiến trúc xây dựng trên mặt nước kênh tẻ của hộ ông Dương Văn H phục vụ cho việc thực hiện Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng nhà ở ven Kênh tẻ, Quận 7.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nộp 300.000 đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nộp 300.000 đồng;

Hoàn trả cho ông Dương Văn H số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 044110 ngày 02/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Dương Văn H không phải chịu.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP (6), HS (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý